TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN DU** TỈNH BẮC NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày 18 - 8 - 2023
V/v Tranh chấp chia thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN DU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Mạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tấn và bà Lê Thị Xuân.

- ***Thư ký phiên toà****:* Ông Nguyễn Hoàng Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Trong ngày 18/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; xét xử sơ thẩm công khai vụ thụ lý số: 47/2022/TLST-DS ngày 28/3/2022, về việc "Tranh chấp yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 06/7/2023; theo Quyết định hoãn phiên toà số: 35/2023/QĐST-DS ngày 26/7/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quy, sinh năm 1944 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn Xuyên, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Số 123, Nguyễn Gia Thiều, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (Có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Vệ, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị Vượng, sinh năm 1980 (Có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Hát, sinh năm 1966 (xin vắng mặt);
2. Bà Nguyễn Thị Hay, sinh năm 1968 (xin vắng mặt);
3. Bà Nguyễn Thị Giỏi, sinh năm 1972 (xin vắng mặt);

4. Ông Nguyễn Văn Giang, sinh năm 1973 (xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Bản Hua Đán, xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

5. Anh Nguyễn Hữu Thắng, sinh năm 1994 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Vũ Văn Xuyên trình bày:

Bố mẹ bà Quy là cụ Nguyễn Hữu Mười, sinh năm 1912 (mất năm 1964), cụ Phạm Thị Khương, sinh năm 1913 (mất năm 1952) kết hôn với nhau từ năm 1933, có 05 người con (đã chết 04 người con từ khi còn nhỏ) hiện còn duy nhất bà Quy. Ngoài ra, cụ Mười còn có người con chung với bà vú nuôi (bà Quy không nhớ tên tuổi địa chỉ) là bà Nguyễn Thị Vinh, sinh năm 1935 (tên thường gọi là bà Nguyễn Thị Quế) tuy nhiên bà Vinh đi làm con nuôi từ khi còn nhỏ. Bà Vinh đã chết năm 2010 tại thôn Phú Hoà, xã Bình Kiều, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Bà Vinh có chồng là ông Đỗ Văn Ca, sinh năm 1938 (đã chết năm 2002), có các con là: Ông Nguyễn Văn Hát, bà Nguyễn Thị Hay, bà Nguyễn Thị Giỏi, ông Nguyễn Văn Giang. Bà Quy không có chồng và nhận anh Nguyễn Hữu Thắng làm con nuôi hợp pháp từ nhỏ.

Năm 1937, cụ Mười và cụ Khương mua 120 m^2 đất của cụ Nguyễn Sỹ Lực sau đó bố mẹ của cụ Mười cho thêm 20 m^2 đất thành tổng diện tích 143 m^2, hiện nay là thửa số 482, tờ bản đồ 14 tại thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, đến nay chưa được cấp giấy CNQSDĐ (gọi tắt là thửa đất số 482). Thửa đất có tứ cận: Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Hữu Vinh, phía nam giáp ngõ, phía đông giáp ngõ, phía tây giáp nhà ông Nguyễn Đôn Tuất.

Năm 1952, cụ Khương mất không để lại di chúc. Năm 1954, cụ Mười kết hôn với cụ Nguyễn Thị Gái, sinh được 03 người con (đã mất 02 người con), hiện còn duy nhất bà Nguyễn Thị Vệ, cụ Mười chết năm 1964 không để lại di chúc. Sau khi cụ Mười chết thì bà Gái, bà Vệ, bà Quy vẫn sinh sống trên nhà đất của cụ Mười, bà và cụ Gái là người quản lý và đóng thuế với nhà nước. Bà đi công tác từ năm 1956 nhưng cuối tuần vẫn về lo gia đình và nhà cửa. Năm 1978 bà Vệ kết hôn với ông Hoà cùng thôn, bà về nhà chồng sinh sống, còn cụ Gái ở một mình trên đất của cụ Mười và cụ Khương.

Năm 1985, bà đã sang sửa lại nhà do nhà cũ bị hư hỏng, bà là người mua nguyên vật liệu còn cụ Gái ở nhà trông nom. Sau khi làm nhà cụ Gái sống trên đất, có một thời gian cụ Gái lên ở cùng bà trên thành phố Bắc Ninh, khi đó đất khoá cửa để không.

Năm 2008, bà cùng anh Thắng về ở hẳn trên thừa đất 482, bà là người nộp thuế đất từ năm 2008 đến năm 2016 thì bà được miễn thuế đất không phải nộp nữa. Thời gian này, cụ Gái vẫn sống cùng với bà trên thửa đất, thỉnh thoảng có ra nhà bà Vệ ăn uống. Từ năm 2013, cụ Gái chuyển hẳn ra nhà bà Vệ ở, do cụ Gái khi đó già yếu nên ra ở cùng con gái cho tiện việc chăm sóc, bà đón cụ Gái nhưng cụ không về ở cùng. Đến năm 2017 thì cụ Gái mất và làm ma ở nhà ông Vinh. Việc thờ cúng sau này do bà Vệ lo, không thờ cúng trên đất của cụ Mười và cụ Khương.

Quá trình sử dụng thửa đất: năm 2008, bà đã làm đề nghị cấp GCNQSDĐ nhưng UBND xã trả lời do bà Vệ không đồng ý nên chưa được cấp giấy chứng nhận. Năm 2017, bà làm đơn xin xác nhận nguồn gốc thửa đất đồng thời xác nhận là người tôn tạo, sửa chữa quản lý di sản bố mẹ để lại và được UBND xã và hàng xóm láng giềng họ hàng xác nhận. Tuy nhiên, bà Vệ có ý kiến và không đồng ý nên bà không được cấp GCNQSDĐ. Bà cho rằng đến nay đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế đối với thửa đất do đó phần di sản là thửa đất thuộc về bà là người trực tiếp quản lý di sản. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà gắn liền với thửa đất số 482, tờ bản đồ số 14, diện tích 143 m^2 tại thôn Đình Cả.

Đối với Biên bản phân chia tài sản đề ngày 11/6/2019 do bà Vệ cung cấp cho Tòa án. Phần chữ viết "Tôi đồng ý phương án Biên bản này thay thể biên bản ngày 08/6/2019, Hủy bỏ bản ngày 08/6/2019 không có giá trị" là do bà tự viết, lý do là khi đó bà ốm nặng bà Vệ cho người đến tận giường bệnh bảo bà viết nên trong khi chưa biết sống chết như thế nào nên bà đã viết như vậy. Đến nay bà không đồng ý với biên bản này nên giữa bà và bà Vệ không có văn bản thoả thuận về việc tài sản chung.

Ngày 25/8/2022, bà Quy có đơn yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị không áp dụng thời hiệu và đề nghị chia di sản của cụ Mười, cụ Khương theo quy định pháp luật và đề nghị xem xét công sức cải tạo, quản lý thửa đất, chia thêm cho bà 1 phần để làm nơi thờ cúng cụ Mười và chia tài sản trên đất.

Khi chia tài sản do bà và anh Thắng không có chỗ ở nào khác và thửa đất hẹp, lại ở trong ngõ, bà Vệ đã có gia đình, có đất ở nên đề chia cho bà bằng hiện vật là đất và bà sẽ trích trả cho bà Vệ bằng tiền giá trị đất và tài sản trên đất. Phần tài sản của các con bà Vinh cho bà, bà xin nhận gộp chung vào khối tài sản của bà.

Bà đã được thông báo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất của bà có diện tích 141 m^2, đối với phần diện tích 0,6 m^2 giáp nhà anh Miễn, chị Nguyệt bà sử dụng ngoài ranh giới, đối với phần đất giáp nhà ông Tuất gia đình bà chưa xây dựng hết đất vẫn còn diện tích 1,4 m^2 bà đề nghị chia theo ranh giới cho bà những phần đất này. Đối với phần diện tích 1,2 m^2 giáp nhà ông Tuất bà đã xây tường sử

dụng ổn định cùng nhà ông Tuất, hai bên không tranh chấp nên đề nghị theo hiện trạng. Diện tích thực tế cần chia là 141,8 m^2.

Ngoài ra ông Xuyên không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Bà Quy không trình bày bổ sung và nhất trí với ý kiến của ông Xuyên.

*Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà Vệ là chị Vượng trình bày:

Cụ Nguyễn Hữu Mười là (bố đẻ của bà Gái) có 02 người vợ là: Vợ cả là cụ Phạm Thị Khương. Vợ 2 là cụ Nguyễn Thị Gái, sinh năm 1922, chết năm 2017. Giữa cụ Mười và cụ Khương có 05 con chung nhưng đã chết 4 người khi còn nhỏ, chỉ còn một mình bà Nguyễn Thị Quy; Giữa ông Mười và bà Gái có 03 người con chung nhưng đã chết 02 người con khi còn nhỏ chỉ còn một mình bà Vệ. Đến nay, ông Mười chỉ có bà Vệ và bà Quy là con đẻ, không còn ai khác. Ông Mười không có người con riêng nào hết. Việc bà Quy trình bày cụ Mười có người con riêng là bà Vinh (Quế) bà chưa nghe, gặp bao giờ.

Cụ Khương chết năm nào thì bà không nhớ. Đến năm 1954 thì cụ Mười kết hôn với cụ Gái. Từ khi bà Vệ sinh ra thì đã sống cùng bố mẹ bà trên thửa đất số 482, tờ bản đồ số 14, diện tích 143 m^2 tại xóm Giữa, thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Nguồn gốc thửa đất là của các cụ để lại cho cụ Mười. Đến năm 1964, cụ Mười chết không để lại di chúc. Khi cụ Mười chết thì cụ Gái và bà Vệ vẫn sinh sống trên nhà đất của cụ Mười để lại. Còn bà Quy thì đi làm không sinh sống trên thửa đất. Toàn bộ việc đóng thuế với nhà nước đều do cụ Gái đóng.

Năm 1979, bà Vệ kết hôn với ông Nguyễn Đình Hòa cùng thôn thì bà về nhà chồng sinh sống, còn cụ Gái vẫn ở một mình sinh sống trên thửa đất của cụ Mười để thờ cụ Mười. Chỉ đến dịp giỗ thì bà Quy mới về, còn bà Quy sống trên thành phố Bắc Ninh.

Đến năm 1985, ngôi nhà của cụ Mười đột nát nên bà Vệ và bà Quy thống nhất cùng tu tạo lại. Bà Quy có mua nguyên vật liệu gạch, cát, sỏi, gỗ và trả tiền công làm còn cụ Gái ở nhà trông nom và nhờ các cháu làm giúp, còn bà Quy thì đi làm, không có nhà. Sau khi tôn tạo nhà thì bà Gái vẫn tiếp tục sinh sống trên nhà đất của cụ Mười.

Đến khoảng năm 2008 thì bà Quy đã có nhà đất được phân trên thành phố Bắc Ninh nhưng lại bán và về ở hẳn trên đất của cụ Mười. Khi bà Quy về sống trên đất của cụ Mười thì bà Vệ cũng không có thắc mắc gì vì bà Vệ và bà Quy đều đã có nhà đất riêng nên đất của cụ Mười các bà xác định là đất của bố mẹ để cùng thờ cúng bố mẹ.

Lúc này bà Quy và con nuôi là anh Nguyễn Hữu Thắng bắt đầu về sinh sống trên đất cho đến nay và nghĩa vụ tài chính là do bà Quy nộp vì bà Quy sinh sống trên đất. Từ khi bà Quy về sống thì lúc đó cụ Gái đã già yếu nên bà Vệ đã đón cụ Gái về nhà bà để tiện chăm sóc.

Đến năm 2017, cụ Gái sức khỏe yếu, sắp chết có đòi về đất của cụ Mười để chết ở đây thì bà Quy không có nhà, đã khóa cổng không cho cụ Gái về. Chính vì vậy, ông Nguyễn Hữu Vinh là cháu trưởng đã phải đón cụ Gái về gia đình ông Vinh và cụ Gái chết tại nhà ông Vinh. Cụ Gái chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ Mười, cụ Khương, cụ Gái chết hết đều không để lại di chúc, do chỉ còn 2 chị em gái là bà Vệ và bà Quy nên bà xác định đây là di sản để lại của bố mẹ nên không tranh chấp gì hết, ai ở thì ở để thờ cúng bố mẹ.

Từ năm 2008, bà Quy tự ý đi làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ đất của cụ Mười để lại mang tên bà Quy thì bà Vệ và cụ Gái không đồng ý. Cụ Gái có gửi đơn UBND xã Nội Duệ đề nghị chia đều thửa đất của cụ Mười cho bà Vệ và bà Quy. Do có tranh chấp nên từ đó thửa đất của cụ Mười đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

Hiện nay, bà Quy cùng con nuôi (Nguyễn Hữu Thắng) đang ở tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 14, địa chỉ: xóm Giữa, thôn Đình Cả, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Ban đầu khi khởi kiện bà Quy yêu cầu Tòa án Công nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở gắn liền trên đất cho bà Nguyễn Thị Quy thì bà Vệ không đồng ý vì bà xác định đây là di sản của bố bà Vệ (cụ Mười) để lại nên bà Vệ và bà Quy đều có quyền như nhau, không nhất trí để bà Quy đứng tên một mình.

Sau này bà Vệ thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị không áp dụng thời hiệu và đề nghị chia di sản của cụ Mười, cụ Khương theo quy định pháp luật. Tại phiên toà chị Vượng đại diện theo uỷ quyền của bà Vệ nhất trí không áp dụng thời hiệu, đồng ý chia thừa kế các tài sản của cụ Khương, cụ Mười, cụ Gái theo quy định định pháp luật đối với phần của các cụ tại thửa đất số 482, phần của cụ Gái, do bà Vệ nhận, gộp với phần của bà Vệ. Bà Vệ xin lấy bằng đất. Đối với tài sản trên đất xác nhận là của bà Quy và cụ Gái, bà Vệ không có ý kiến yêu cầu gì. Phần của cụ Gái bà Vệ xin nhận.

Ngoài ra bà Vệ, chị Vượng không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

**Bà Nguyễn Thị Hay, ông Nguyễn Văn Hát; bà Nguyễn Thị Giỏi, ông Nguyễn Văn Giang trình bày:* Ông bà là con của bà Nguyễn Thị Quế (hay còn gọi là Vinh),

bà Quế mất năm 2010; bố là ông Ca chết năm 2002. Nay bà Quy đề nghị chia di sản theo quy định pháp luật riêng phần thừa kế của ông bà, ông bà đề nghị chia bằng hiện vật và đồng ý giao toàn bộ cho bà Quy quản lý, sử dụng và đề nghị giải quyết vắng mặt ông bà.

**Anh Nguyễn Hữu Thắng trình bày:* Anh được bà Quy nhận làm con nuôi từ khi mới sinh, anh ở cùng bà từ nhỏ. Thửa đất hiện do bà Quy đang quản lý có nguồn gốc là ông bà để lại. Quá trình sinh sống trên thửa đất hai mẹ con đã cùng nhau tôn tạo, phá bỏ mái nhà cũ đã xuống cấp, làm khung mái nhà bằng sắt, nâng mái, lợp tôn lạnh, lắp trần thạch cao, sửa chữa công trình phụ, trên đất để ổn định cuộc sống và thờ cúng ông bà tổ tiên. Anh không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án này với yêu cầu khởi kiện của bà Quy. Mẹ con anh mong muốn được phân chia bằng đất để tiếp tục quản lý sử dụng, gia đình xin trích trả bằng tiền. Anh không đề nghị gì về thời hiệu.

Ngoài ra anh không có ý kiến yêu cầu gì.

**Quá trình làm việc ông Nguyễn Hữu Quyết cung cấp:* Ông là trưởng họ của dòng họ Nguyễn Hữu, thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Cụ Mười thuộc chi thứ 2 của dòng họ Nguyễn Hữu. Theo gia phả của dòng họ Nguyễn Hữu mà ông đã cung cấp cho Tòa án thì cụ cụ Mười có 02 người vợ là Cụ Phạm Thị Khương (con chung là bà Nguyễn Thị Quy); Người vợ 2 là cụ Nguyễn Thị Gái (người con chung là Nguyễn Thị Vệ). Ngoài bà Quy và bà Vệ là con đẻ của cụ Mười thì cụ Mười còn có người con riêng khác là bà Nguyễn Thị Quế. Ông cũng không biết là Quế là con của cụ Mười với người vợ nào chỉ biết có trong gia phả và truyền lại các đời. Ông chưa từng gặp bà Quế bao giờ. Ông cũng không biết bà Quế có phải là bà Vinh như bà Quy trình bày với Tòa án vì ông không biết bà Vinh là ai mà chỉ nghe người khác nói như vậy thôi. Việc cụ Mười cho bà Quế làm con nuôi thì ông cũng không được biết sự việc này, ông không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh việc này.

**Ông Nguyễn Hồng Việt cung cấp:* Ông là cháu ruột của cụ Nguyễn Văn Khiển, sinh năm 1920, cụ Nguyễn Thị Trịnh (sinh năm 1920), ở thôn Duệ Khánh, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Ông Khiển là người được cụ Nguyễn Hữu Mười cho bà Nguyễn Thị Vinh là con đẻ làm con nuôi cụ Nguyễn Văn Khiển, cụ Nguyễn Thị Trịnh khi còn nhỏ. Do vợ chồng cụ Khiển, cụ Trịnh không có con, cho thời gian nào thì ông không nhớ. Bà Vinh là con ruột của cụ Mười với bà vú nuôi. Ông cũng không được chứng kiến việc cụ Mười cho bà Vinh làm con nuôi vợ chồng cụ Khiển, cụ Trịnh. Ông chỉ nghe cụ Khiển nói lại với ông sự việc như vậy vì nhà ông và nhà cụ Khiển ở gần nhau.

Bà Vinh sống cùng vợ chồng cụ Khiển đến khi bà Vinh bị mắc bệnh phong phải đi điều trị tại Nghệ An. Sau khi điều trị khỏi bệnh thì bà Vinh lấy chồng sống ở Hưng Yên. Đến khi bà Vinh lấy chồng, có con thì hằng năm vẫn về thăm gia đình cụ Khiển.

Cụ Khiển chết năm 1975, cụ Trịnh chết năm 1995 bà Vinh vẫn về thăm gia đình cụ Khiển. Ông thỉnh thoảng vẫn gặp bà Vinh tại ngày giỗ của gia đình cụ Khiển. Hiện nay nhà đất của gia đình cụ Khiển ở quê thì để lại cho em ruột cụ Khiển là ông Nguyễn Văn Tiêu, còn nhà đất ở Từ Sơn để lại cho cháu ruột là ông Nguyễn Văn Xuyên. Còn bà Vinh sống tại Hưng Yên, không được hưởng tài sản gì của gia đình cụ Khiển.

Qua làm việc với ông Phạm Khắc Đức, cán bộ địa chính xã: Gia đình bà Quy đang sử dụng thửa đất số 482, diện tích 143 m^2, bà Quy cùng các hộ liền kề ông Nguyễn Văn Phấn (nay người sử dụng là anh Miễn, chị Nguyệt) và gia đình ông Nguyễn Đôn Tuất, bà Nguyễn Thị Phương, sử dụng như hiện trạng, các hộ không có tranh chấp, không có đơn thư giải quyết khiếu nại đất đai.

**Quá trình làm việc đại diện UBND xã cung cấp:* Cụ Mười có 02 người vợ là cụ Phạm Thị Khương và cụ Nguyễn Thị Gái. Ngoài 02 người con của cụ Mười là bà Quy và bà Vệ thì địa phương được biết cụ Mười không có người con nào khác còn việc bà Quy trình bày cụ Mười có 01 người con riêng là bà Vinh địa phương không nắm được, bà Vinh không phải là người địa phương.

Nguồn gốc thửa đất bà Quy đang yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất với bà Vệ mà Tòa án đang giải quyết là của cha ông để lại. Năm 2015-2017 UBND xã đã lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên cho bà Quy đang trong quá trình lập hồ sơ thì bà Vệ có đơn không đồng ý việc lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Quy, do bà vệ có tranh chấp đất tổ tiên để lại nên UBND xã đã dừng thủ tục hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Quy vì xác định thửa đất có tranh chấp, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai.

**Quá trình làm việc ông Nguyễn Đôn Tuất, bà Nguyễn Thị Phương:* Vợ chồng ông bà đã được Tòa án cho xem hồ sơ đất ở của nhà bà Quy. Đất của bà Quy có phần phía tây giáp với phần đất phía đông của gia đình ông bà. Theo bản đồ, hồ sơ đất ở phần đất giáp nhà 3 gian bà Quy có phần diện tích 1,4 m^2 là phần cống nước, gia đình ông không sử dụng, hai bên gia đình đã làm nhà, gia đình bà Quy làm từ năm 1976, sau đó có sửa lại, còn gia đình ông làm nhà từ năm 1985, hai bên cố định giữa hai nhà vẫn có 1 khe nước, cống nước, phần diện tích 1,2 m^2 cũng là cống nước hai bên gia đình sử dụng ổn định, ông không có ý kiến yêu cầu cầu gì.

**Quá trình làm việc ông Nguyễn Văn Miễn, bà Nguyến Thị Minh Nguyệt:* Vợ chồng ông bà sử dụng thửa đất của bố để lại là ông Nguyễn Văn Phấn, có phần đất phía đông giáp với phần đất phía tây của gia đình bà Quy; phần đất 0,6 m^2 đất trước kia là cống nước, không phải của gia đình ông. Trong vụ án này gia đình ông không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Từ những phân tích trên căn cứ các điều 26, 35, 39 BLTTDS; Điều 612, 613, 614, 650, 651, 652, 654 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015:

+ Xác nhận thửa đất số 482, tờ bản đồ 14, diện tích 143 m^2 tại thôn Đình Cả, xã Nội Duệ là di sản thừa kế của cụ Khương và cụ Mười để lại. Giao cho bà Vệ được quản lý, sử dụng thửa đất nhưng có nghĩa vụ trích trả cho bà Vệ số tiền 372.225.000 đồng tương ứng với phần diện tích đất 53,175 m^2 là phần di sản bà Vệ được hưởng.

+ Về phần tài sản trên đất: Xác nhận tài sản trên đất là tài sản chung của cụ Gái, bà Quy. Do bà Quy được giao quản lý sử dụng thửa đất cùng tài sản trên đất do vậy có nghĩa vụ trích trả cho bà Vệ số tiền 91.692.500 đồng.

- Các đương sự phải chịu án phí và chi phí thẩm định và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn là bà Quy yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 482, sau đó bà Quy xin thay đổi yêu cầu khởi kiện đề nghị không áp dụng thời hiệu và đề nghị chia di sản của cụ Mười, cụ Khương theo quy định pháp luật và đề nghị xem xét công sức cải tạo, quản lý thửa đất, chia thêm cho bà 1 phần để làm nơi thờ cúng cụ Mười và chia tài sản trên đất.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Vệ đang cư trú tại Đình Cả, xã Nội Duệ, huyện Tiên Du; tài sản thừa kế tranh chấp toạ lạc tại huyện Tiên Du; Toà án xác định đây là vụ án dân sự có quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản do đó căn cứ Điều 26, 35, 39

BLTTDS; Toà án nhân dân huyện Tiên Du đã thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hát, bà Hay, bà Giỏi, ông Giang vắng mặt đã có lời trình bày, xin vắng mặt, đã được Toà án tống đạt hợp lệ, tại phiên toà hôm nay những người liên quan trên vẫn vắng mặt, việc xét xử vắng mặt không ảnh hưởng tới quyền lợi của các đương sự, vì vậy Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định pháp luật.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Khương mất năm 1952, cụ Mười mất năm 1964, cụ Gái mất năm 2017 trong vụ án không có ai đề nghị áp dụng thời hiệu.

Căn cứ vào điều 184 BLDS Toà án không áp dụng thời hiệu chia di sản thừa kế đối với tài sản của cụ Khương, cụ Mười, cụ Gái.

[3] Về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng:

Quá trình biến động thửa đất số 482 như sau: Năm 1978, là thửa 380, tờ bản đồ 01, diện tích 93 m^2; năm 1990 là tờ 03, thửa 237, diện tích 144 m^2; năm 2004 là thửa 482, tờ bản đồ 14, diện tích 143 m^2.

Về nguồn gốc bà Quy cho rằng nguồn gốc thửa đất là do năm 1937, cụ Mười và cụ Khương mua 120 m^2 đất của cụ Nguyễn Sỹ Lực sau đó bố mẹ của cụ Mười ở kế bên cho thêm 20 m^2 đất thành tổng diện tích 143 m^2. Khi mua bán với cụ Lực do thời gian quá lâu nên không cung cấp được giấy tờ mua bán. Để chứng minh cho lời khai của mình bà Quy cung cấp giấy xác nhận của các con cụ Lực về việc bán diện tích đất, ngoài ra không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì. Bà Vệ trình bày nguồn gốc thửa đất do cha ông để lại cho cụ Mười, không có việc mua bán đất, tuy nhiên bà Vệ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì. Tuy nhiên, quá trình xác minh với lãnh đạo UBND xã và cán bộ địa chính xác nhận nguồn gốc thửa đất là của cha ông để lại. Mặc dù có sự mâu thuẫn về quá trình hình thành thửa đất nhưng các bên đương sự đều xác nhận nguồn gốc thửa đất là của các cụ để lại, cụ Mười và cụ Khương kết hôn, bố mẹ cụ Mười đều đã chết, tài sản hình thành trong quá trình hôn nhân của cụ Mười và cụ Khương các đương sự đều thừa nhận, sau khi cụ Khương chết cụ Mười mới kết hôn với cụ Gái như vậy có thể xác nhận thửa đất số 482, tờ bản đồ 14, là tài sản của cụ Mười và cụ Khương. Di sản các cụ để lại của mỗi cụ là ½ diện tích thửa đất.

Thửa đất đo đạc thực tế hiện trạng sử dụng có diện tích 141 m^2, tuy nhiên đối với phần diện tích 0,6 m^2 giáp nhà anh Miễn, chị Nguyệt; bà Quy sử dụng ngoài ranh giới, đối với phần đất giáp nhà ông Tuất gia đình bà chưa xây dựng hết đất vẫn còn diện tích 1,4 m^2 bà đề nghị chia theo ranh giới cho bà những phần đất này.

Đối với phần diện tích 1,2 m^2 giáp nhà ông Tuất bà đã xây tường sử dụng ổn định cùng nhà ông Tuất, hai bên không tranh chấp nên đề nghị theo hiện trạng. Diện tích thực tế là 141,8 m^2 Toà án lấy số liệu trên làm căn cứ chia di sản thừa kế cho các đương sự. Di sản của Khương và cụ Mười mỗi cụ là ½ diện tích thửa đất =70,9 m^2.

Về diện và hàng thừa kế: Cụ Mười có 2 người vợ hợp pháp là cụ Khương và cụ Gái. Giữa cụ Mười và cụ Khương có 05 người con chung nhưng chết 04 người khi còn nhỏ chỉ còn bà Quy; giữa cụ Mười và cụ Gái có 03 người con chung nhưng chết 02 người khi còn nhỏ chỉ còn bà Vệ. Theo bà Quy trình bày ngoài ra cụ Mười còn có 01 người con là bà Nguyễn Thị Vinh là con chung với bà vú nuôi trong gia đình. Để chứng minh cho lời khai của mình bà Quy cung cấp giấy khai tử của bà Vinh (tên gọi khác là bà Quế), giấy xác nhận của ông Nguyễn Hữu Quyết (là trưởng họ Nguyễn Hữu), ông Nguyễn Hồng Việt (là cháu của bố bà Vinh) xác nhận bà Vinh là con của cụ Mười được cho đi nhận nuôi, bản sao gia phả thể hiện bà Vinh (Quế) là con của cụ Mười, ngoài ra các con bà Vinh cũng thừa nhận. Do đó có căn cứ xác định bà Vinh là con của cụ Mười.

Ngoài ra, cụ Khương chết năm 1952 không để lại di chúc do vậy người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Khương gồm có cụ Mười và bà Quy.

Cụ Mười chết năm 1964 không để lại di chúc, xác định người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mười gồm có cụ Gái, bà Quy, bà Vệ và bà Vinh. Bà Vinh chết năm 2010 do vậy hàng thừa kế của bà Vinh gồm có bà Giỏi, ông Giang, ông Hát, bà Hay.

Cụ Gái chết năm 2017 không để lại di chúc hàng thừa kế của cụ Gái có bà Vệ.

Trong vụ án không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh người thuộc diện thừa kế không được hưởng di sản thừa kế. Các cụ không phải thực hiện nghĩa vụ trước khi chết. Các đương sự đều thống nhất chia toàn bộ các tài sản theo quy định pháp luật.

*Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với việc chia di sản của các cụ Mười và cụ Khương tài sản là thửa đất số 482 và khi chia di sản đề nghị Toà án chia bằng hiện vật, phần của các bà Giỏi, ông Giang, ông Hát, bà Hay cho bà Quy đứng tên, toàn quyền sử dụng; gộp với phần của tài sản của bà, bà xin trích trả bằng tiền giá trị đất và tài sản. Bà Vệ đồng ý chia di sản của cụ Mười và cụ Gái theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy như trong phần nhận định về nguồn gốc di sản thừa kế và hiện trạng, thửa đất 482 là có ½ tài sản của cụ Mười và 1/2 của cụ Khương nên yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Quy là có căn cứ chấp nhận.

- Cụ Khương chết không để lại di chúc, di sản của cụ chia theo pháp luật, kỷ phần của: Cụ Mười, bà Quy bằng nhau = 35,45 m^2.

- Cụ Mười chết không để lại di chúc, di sản của cụ Mười= ½ kỷ phần của cụ Khương+ ½ thửa đất 482= 35,45 m^2+ 70,9 m^2= 106,35 m^2.

Di sản của cụ Mười sẽ được chia theo quy định pháp luật. Ngoài ra cụ Gái có công quản lý, ở trên đất từ khi chung sống với cụ Mười từ năm 1954 đến năm 2008, bà Quy quản lý, sử dụng, thờ cúng cụ Mười, đóng thuế từ năm 2008 đến nay nên chia thêm cho cụ Gái và bà Quy thêm mỗi người bằng 1 xuất thừa kế, phần của cụ Gái do bà Vệ nhận.

Kỷ phần của các đương sự như sau: Cụ Gái (do bà Vệ nhận), bà Quy, bà Vinh (do bà Giỏi, Giang, Hát Hay nhận, cho bà Quy), bà Vệ, 1 phần công sức bà Gái, 1 phần công sức của bà Quy= 106,35 m^2/6= 17,725 m^2.

Tổng tài sản diện tích đất bà Vệ được nhận là: 53,175 m^2.

Tổng tài sản diện tích đất bà Quy được nhận di sản của cụ Mười là: 53,175m^2.

Tổng tài sản diện tích đất bà Quy được nhận là 88,625 m^2.

Do thửa đất số 482 diện tích không rộng, nằm sâu trong ngõ, bà Quy không có chỗ ở nào khác, có nhu cầu chia bằng hiện vật, phần của bà Quy được nhiều hơn bà Vệ, hiện bà Vệ có gia đình, có chỗ ở khác nên HĐXX xét thấy yêu cầu xin chia bằng hiện vật của bà Quy là có căn cứ, bà Quy phải có nghĩa vụ trích trả cho bà Vệ số tiền giá trị của 53,175 m^2 đất theo giá mà HĐĐG đã định giá 7.000.000/1 m^2 thành tiền là 372.225.000 đồng. Thửa đất trên là đất ở, phù hợp với quy hoạch nên bà Quy được quyền liên hệ với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Về tài sản trên đất: Các đương sự đều trình bày do tài sản trên đất cụ Khương và cụ Mười để lại đã xuống cấp nên năm 1985, bà Quy, bà Vệ cùng cụ Gái đã tân tạo, sửa sang lại tài sản trên đất. Bà Quy chưa về ở nhưng đi công tác đã mua gạch, ngói, nguyên vật liệu và sau này kể từ năm 2008 ở trên đất có sửa sang lại như hiện nay, còn cụ Gái đứng ra trông nom, thuê người làm, bà Vệ góp công,…, Sau này anh Thắn ở trên đất có cùng bà Quy sang sửa nhưng anh không có yêu cầu gì. Do vậy, xác định tài sản trên đất là tài sản chung của bà Quy, bà Vệ cùng cụ Gái. Tuy nhiên tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của bà Vệ không yêu cầu chia cho bà Vệ phần công sức của bà trong khối tài sản này, bà chỉ yêu cầu chia cho cụ Gái, phần của cụ Gái bà Vệ xin nhận, vì vậy HĐXX xác định tài sản trên đất là tài sản chung để chia cho cụ Gái và bà Quy. Tài sản trên đất gồm: 01 ngôi nhà 3 gian, 01 bếp, khu vệ sinh; 01 bể nước; Tường bao xây gạch, 01 lán lợp proximang, 01 sân gạch đất nung, 01 cây cối, tổng giá trị là: 183.385.000 đồng. Bà Quy được sử

dụng tài sản trên đất phải trích trả cho cụ Gái (do bà Vệ nhận) số tiền là 91.692.500 đồng.

Tổng số tiền bà Quy phải trích trả cho bà Vệ là 463.917.500 đồng.

Tại phiên toà đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: đầy đủ, phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Quy và bà Vệ là người cao tuổi nên miễn toàn án phí DSST cho các bà; bà Quy phải chịu án phí DSST đối với phần của bà Giỏi, ông Giang, ông Hát, bà Hay cho bà.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu ½ chi phí nêu trên số tiền là 5.000.000 đồng. Xác nhận bà Quy đã nộp số tiền 10.000.000 đồng, bà Vệ phải trả cho bà Quy số tiền là 5.000.000 đồng.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165, 166, 184, 227, 228, 235, 262, 264, 266, 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ điều 33, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 11, 36, 42, 52, 73, 74, 76 Luật Đất đai năm 1993.

Căn cứ Điều 10, 97, 106, 143, 167, 203 Luật đất đai 2013.

Căn cứ các điều 212, 468, 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quy đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ Nguyễn Hữu Mười và cụ Phạm Thị Khương theo pháp luật. Xác định khối di sản của cụ Mười để lại có giá trị là phần diện tích là 106,35 m^2, của cụ Khương là 70,9 m^2, của cụ Gái 35,45 m^2, tại thửa đất số 482, tờ bản đồ số 14, diện tích 143 m^2 tại thôn Đình Cả, xã Nội Duệ, đo đạc thực tế là 141 m^2, diện tích làm căn cứ chia là 141,8 m^2.

2. Chia cho bà Nguyễn Thị Quy được toàn quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 482, tờ bản đồ số 14, diện tích 141,8 m^2 toạ lạc tại thôn Đình Cả, xã Nội Duệ huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh {được giới hạn bởi các điểm (1), 2, 3, 4, 5, 6 ,(7), (8), 8, 9, 10, (1)}; có tứ cận như sau:

Bắc giáp đất ông Nguyễn Hữu Vinh, Nam giáp ngõ đi, Đông giáp ngõ đi, Tây giáp đất ông Nguyễn Đôn Tuất.

Bà Quy được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản trên thửa đất.

(Có sơ đồ thửa đất và các tài sản trên đất kèm theo bản án)

Bà Quy có quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục, để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Bà Quy phải có trách nhiệm trích trả cho bà Vệ số tiền 463.917.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người phải người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí DSST cho bà Quy và bà Vệ đối với phần tài sản các bà được nhận. Bà Quy phải chịu tổng số 6.203.750 đồng tiền án phí DSST đối với phần tài sản các ông Hát, bà Hay, bà Giỏi, ông Giang cho bà.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn và bị đơn mỗi bên phải chịu ½ chi phí nêu trên số tiền là 5.000.000 đồng. Xác nhận bà Quy đã nộp số tiền 10.000.000 đồng, bà Vệ phải trả cho bà Quy số tiền là 5.000.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *UBND xã*
- *VKS huyện Tiên Du;*
- *THA DS huyện Tiên Du;*
- *Đương sự;*
- *Người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vũ Mạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Chủ toạ phiên toà**

Vũ Mạnh